

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 28/02/2025

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

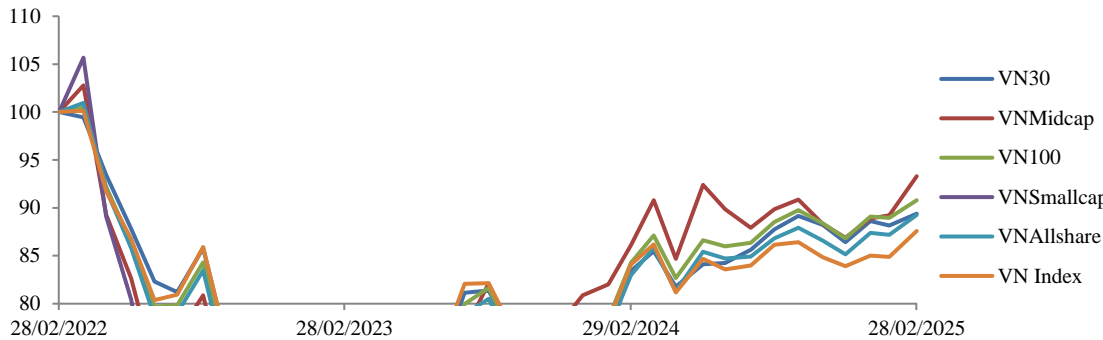
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 28/02/2022 đến 28/02/2025



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/02/2022

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	-38.81%	14.75%	15.89%	2.37%	4.82%	2.80%	7.56%	-10.76%	72.23%	-3.72%	11.49%
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	1.41%	3.44%	1.87%	7.16%	-10.60%	63.04%	-3.66%	10.27%
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	4.57%	7.35%	3.80%	8.31%	-6.71%	132.09%	-2.29%	18.34%
VN100	-37.62%	13.95%	16.62%	2.05%	4.57%	2.56%	7.73%	-9.20%	70.45%	-3.17%	11.26%
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	7.13%	8.52%	6.26%	4.95%	-27.26%	112.19%	-10.07%	16.24%
VN-Index	-33.99%	8.24%	11.93%	3.19%	4.39%	1.67%	4.20%	-12.40%	47.97%	-4.32%	8.15%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	5.47%	7.56%	14.57%	35.66%	48.01%
VN30	5.68%	7.82%	14.19%	34.68%	47.93%
VNMidcap	5.89%	8.15%	17.10%	41.61%	58.14%
VN100	5.59%	7.71%	14.69%	35.73%	49.61%
VNSmallcap	5.09%	6.81%	15.16%	38.83%	50.26%
VN-Index	4.59%	6.61%	13.30%	32.35%	44.84%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	98.03%	98.06%	98.75%	98.80%	98.39%
VN30	95.54%	96.43%	96.27%	97.60%	97.35%
VNMidcap	92.28%	91.91%	94.95%	93.49%	82.11%
VN100	97.66%	97.83%	98.51%	98.76%	95.30%
VNSmallcap	78.23%	81.19%	86.60%	88.04%	84.25%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	291	30	70	100	191
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	5,088,802	3,785,629	1,019,667	4,805,295	283,507
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,246,989	1,509,352	590,823	2,100,175	146,814
Trung bình	7,722	50,312	8,440	21,002	769
Cao nhất	175,432	175,432	33,725	175,432	5,000
Thấp nhất	14	3,134	959	959	14
Trung vị	1,125	41,244	6,728	8,106	458
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.81%	11.62%	5.71%	8.35%	3.41%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.86%	63.80%	37.45%	45.85%	23.81%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452

Website: www.hsx.vn



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

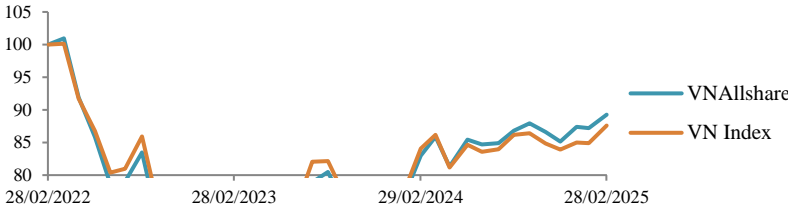
Đặc điểm chỉ số

	291
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	5,088,802
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,246,989
Trung bình	7,722
Cao nhất	175,432
Thấp nhất	14
Trung vị	1,125
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.81%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	42.86%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 28/02/2022 đến 28/02/2025



* Các chỉ số trên được giá lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 28/02/2022

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	5.47%	7.56%	14.57%	35.66%	48.01%

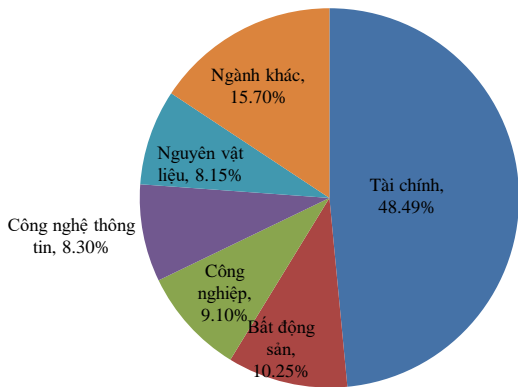
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	98.03%	98.06%	98.75%	98.80%	98.39%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNAllshare	-38.81%	14.75%	15.89%	2.37%	4.82%	2.80%	7.56%	-10.76%	72.23%	-3.72%	11.49%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	175,432	7.81%
2	TCB	Tài chính	119,855	5.33%
3	ACB	Tài chính	104,520	4.65%
4	LPB	Tài chính	102,591	4.57%
5	HPG	Nguyên vật liệu	98,502	4.38%
6	VPB	Tài chính	84,219	3.75%
7	MBB	Tài chính	77,194	3.44%
8	STB	Tài chính	72,110	3.21%
9	MWG	Khu vực tiêu dùng	68,164	3.03%
10	HDB	Tài chính	60,421	2.69%
	Tổng cộng		963,007	42.86%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	39	1,089,543	48.49%
Bất động sản	41	230,421	10.25%
Công nghiệp	76	204,537	9.10%
Công nghệ thông tin	5	186,526	8.30%
Nguyên vật liệu	44	183,161	8.15%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNIAllshare.

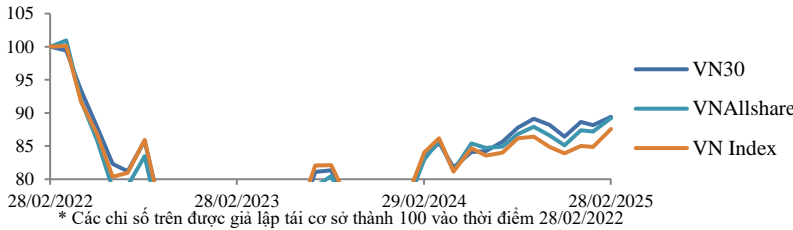
Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	3,785,629
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,509,352
Trung bình	50,312
Cao nhất	175,432
Thấp nhất	3,134
Trung vị	41,244
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	11.62%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	63.80%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
 Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 28/02/2022 đến 28/02/2025



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	5.68%	7.82%	14.19%	34.68%	47.93%

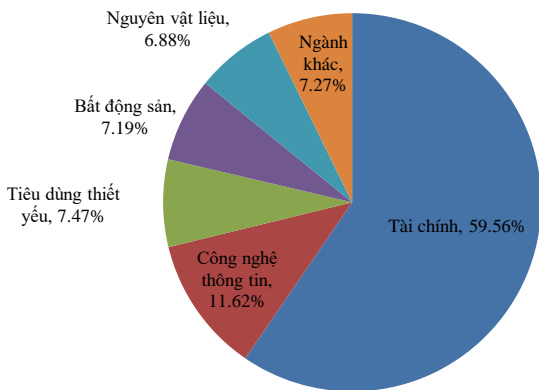
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	95.54%	96.43%	96.27%	97.60%	97.35%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN30	-35.52%	8.04%	18.83%	1.41%	3.44%	1.87%	7.16%	-10.60%	63.04%	-3.66%	10.27%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	175,432	11.62%
2	TCB	Tài chính	119,855	7.94%
3	ACB	Tài chính	104,520	6.92%
4	LPB	Tài chính	102,591	6.80%
5	HPG	Nguyên vật liệu	98,502	6.53%
6	VPB	Tài chính	84,219	5.58%
7	MBB	Tài chính	77,194	5.11%
8	STB	Tài chính	72,110	4.78%
9	MWG	Khu vực tiêu dùng	68,164	4.52%
10	HDB	Tài chính	60,421	4.00%
	Tổng cộng		963,007	63.80%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	16	899,031	59.56%
Công nghệ thông tin	1	175,432	11.62%
Tiêu dùng thiết yếu	3	112,821	7.47%
Bất động sản	4	108,516	7.19%
Nguyên vật liệu	2	103,846	6.88%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNIAllshare" và "VNIAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

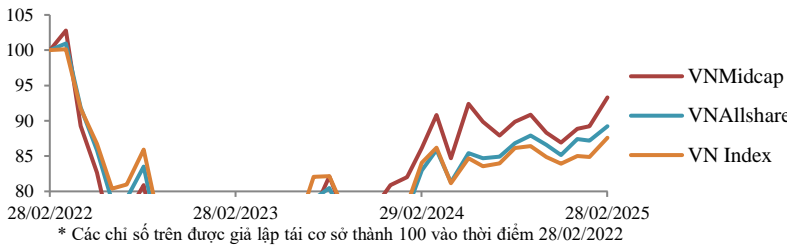


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,019,667
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	590,823
Trung bình	8,440
Cao nhất	33,725
Thấp nhất	959
Trung vị	6,728
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.71%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	37.45%

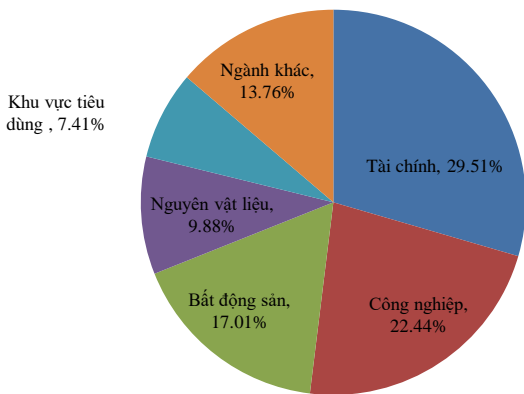
Tăng trưởng chỉ số từ 28/02/2022 đến 28/02/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNMidcap	-42.30%	28.82%	10.39%	4.57%	7.35%	3.80%	8.31%	-6.71%	132.09%	-2.29%	18.34%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	12	174,356	29.51%
Công nghiệp	19	132,557	22.44%
Bất động sản	11	100,488	17.01%
Nguyên vật liệu	8	58,346	9.88%
Khu vực tiêu dùng	3	43,794	7.41%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	5.89%	8.15%	17.10%	41.61%	58.14%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	92.28%	91.91%	94.95%	93.49%	82.11%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	EIB	Tài chính	33,725	5.71%
2	PNJ	Khu vực tiêu dùng	26,999	4.57%
3	MSB	Tài chính	26,559	4.50%
4	DGC	Nguyên vật liệu	25,407	4.30%
5	GMD	Công nghiệp	21,359	3.62%
6	NAB	Tài chính	21,068	3.57%
7	KDH	Bất động sản	18,630	3.15%
8	KBC	Bất động sản	15,959	2.70%
9	VIX	Tài chính	15,865	2.69%
10	VCI	Tài chính	15,705	2.66%
	Tổng cộng		221,276	37.45%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

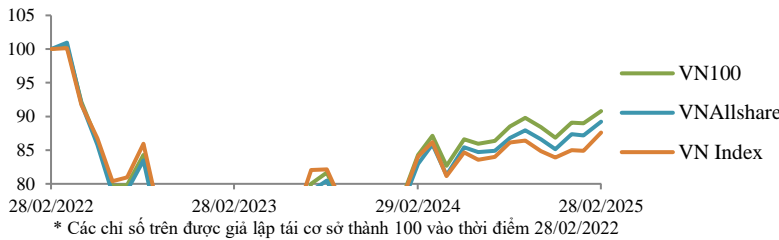


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	4,805,295
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,100,175
Trung bình	21,002
Cao nhất	175,432
Thấp nhất	959
Trung vị	8,106
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	8.35%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	45.85%

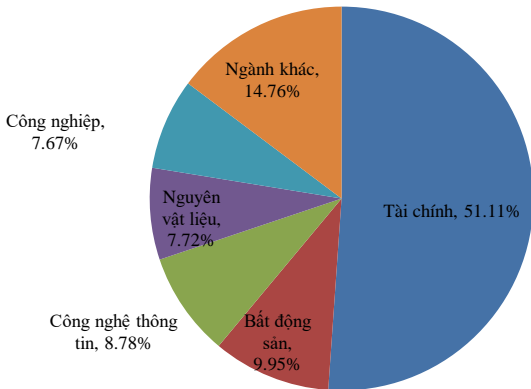
Tăng trưởng chỉ số từ 28/02/2022 đến 28/02/2025



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VN100	-37.62%	13.95%	16.62%	2.05%	4.57%	2.56%	7.73%	-9.20%	70.45%	-3.17%	11.26%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	28	1,073,387	51.11%
Bất động sản	15	209,004	9.95%
Công nghệ thông tin	3	184,453	8.78%
Nguyên vật liệu	10	162,193	7.72%
Công nghiệp	20	161,154	7.67%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VN100: Theo thời gian thực (5giây/lần)
 - VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	5.59%	7.71%	14.69%	35.73%	49.61%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	97.66%	97.83%	98.51%	98.76%	95.30%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	FPT	Công nghệ thông tin	175,432	8.35%
2	TCB	Tài chính	119,855	5.71%
3	ACB	Tài chính	104,520	4.98%
4	LPB	Tài chính	102,591	4.88%
5	HPG	Nguyên vật liệu	98,502	4.69%
6	VPB	Tài chính	84,219	4.01%
7	MBB	Tài chính	77,194	3.68%
8	STB	Tài chính	72,110	3.43%
9	MWG	Khu vực tiêu dùng	68,164	3.25%
10	HDB	Tài chính	60,421	2.88%
	Tổng cộng		963,007	45.85%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

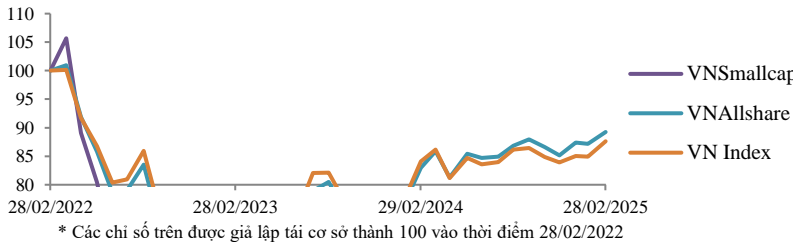
Đặc điểm chỉ số

	191
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	283,507
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	146,814
Trung bình	769
Cao nhất	5,000
Thấp nhất	14
Trung vị	458
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	3.41%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	23.81%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
 Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
 - VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
 - VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 28/02/2022 đến 28/02/2025



Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	5.09%	6.81%	15.16%	38.83%	50.26%

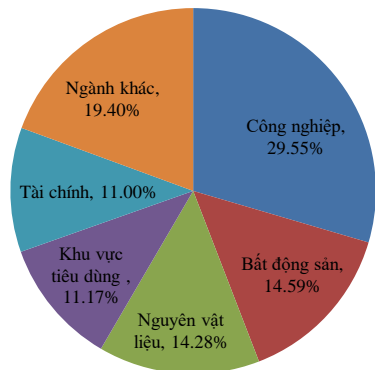
Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	78.23%	81.19%	86.60%	88.04%	84.25%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)				
	2022	2023	2024	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm		
VNSmallcap	-51.74%	25.06%	5.92%	7.13%	8.52%	6.26%	4.95%	-27.26%	112.19%	-10.07%	16.24%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VSC	Công nghiệp	5,000	3.41%
2	BAF	Tiêu dùng thiết yếu	4,747	3.23%
3	ORS	Tài chính	4,733	3.22%
4	DBD	Chăm sóc sức khỏe	4,356	2.97%
5	HAH	Công nghiệp	4,196	2.86%
6	SAM	Công nghiệp	2,873	1.96%
7	IJC	Công nghiệp	2,795	1.90%
8	DHC	Nguyên vật liệu	2,128	1.45%
9	SHI	Công nghiệp	2,077	1.42%
10	TNH	Chăm sóc sức khỏe	2,049	1.40%
	Tổng cộng		34,954	23.81%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	56	43,382	29.55%
Bất động sản	26	21,417	14.59%
Nguyên vật liệu	34	20,968	14.28%
Khu vực tiêu dùng	26	16,405	11.17%
Tài chính	11	16,156	11.00%

Lưu ý:
 "VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
 Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

